

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 53



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004 Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay	Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trần Đình Long	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Quang Trường được bà Trần Kim Liên ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo giấy ủy quyền số 01/UQ-VINASEED ngày 1 tháng 1 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Quang Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 61201380/66923152-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Trình Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0754-2023-004-1

Lê Thị Thu
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 5606-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.366.015.856.357	1.175.488.033.183
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	478.493.214.743	407.897.570.630
111	1. Tiền		359.193.214.743	321.897.570.630
112	2. Các khoản tương đương tiền		119.300.000.000	86.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		60.000.000.000	6.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	60.000.000.000	6.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		378.523.100.222	284.779.337.655
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	221.735.490.360	224.966.617.708
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	37.320.500.215	48.417.545.399
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31	100.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	21.243.624.313	13.200.510.542
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7, 8	(1.776.514.666)	(1.805.335.994)
140	IV. Hàng tồn kho	9	438.153.645.141	466.321.159.783
141	1. Hàng tồn kho		445.995.047.831	479.246.875.653
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.841.402.690)	(12.925.715.870)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.845.896.251	9.689.965.115
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	5.824.558.856	1.876.239.818
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	2.456.787.710	7.488.635
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	2.564.549.685	7.806.236.662

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		855.149.036.315	850.241.438.403
220	I. Tài sản cố định		742.942.954.919	720.603.669.134
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	523.176.916.064	508.585.409.073
222	Nguyên giá		923.514.523.187	866.576.551.858
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(400.337.607.123)	(357.991.142.785)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	219.766.038.855	212.018.260.061
228	Nguyên giá		264.407.935.393	253.303.885.393
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(44.641.896.538)	(41.285.625.332)
230	II. Bất động sản đầu tư		10.584.021.116	2.437.170.386
231	1. Nguyên giá	13	13.350.617.119	4.775.315.567
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.766.596.003)	(2.338.145.181)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		7.733.246.245	12.453.949.269
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	7.733.246.245	12.453.949.269
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	26.061.735.380	26.061.735.380
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.061.735.380	26.061.735.380
260	V. Tài sản dài hạn khác		67.827.078.655	88.684.914.234
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	31.000.731.051	29.456.270.576
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	30.3	6.942.494.762	5.915.826.398
268	3. Tài sản dài hạn khác		786.116.230	786.116.231
269	4. Lợi thế thương mại	16	29.097.736.612	52.526.701.029
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.221.164.892.672	2.025.729.471.586

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		775.029.726.630	674.471.121.087
310	I. Nợ ngắn hạn		742.914.024.178	642.834.007.663
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	128.719.616.999	127.030.119.865
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	15.093.199.607	16.168.487.461
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	23.620.530.853	6.800.980.712
314	4. Phải trả người lao động		21.637.130.952	42.746.896.692
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	20.144.933.061	12.806.259.293
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	194.183.399.442	178.800.852.077
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	21	315.821.580.222	220.998.579.442
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		23.693.633.042	37.481.832.121
330	II. Nợ dài hạn		32.115.702.452	31.637.113.424
337	1. Phải trả dài hạn khác		742.964.000	239.469.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	31.372.738.452	31.397.644.424
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.446.135.166.042	1.351.258.350.499
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.446.135.166.042	1.351.258.350.499
411	1. Vốn cổ phần		175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.000.000)	(50.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		509.428.844.839	463.019.466.983
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		339.877.961.131	294.659.665.467
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		117.227.833.537	75.336.140.433
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		222.650.127.594	219.323.525.034
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		89.762.952.222	86.513.810.199
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.221.164.892.672	2.025.729.471.586

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.206.476.770.842	2.030.667.641.187
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	170.999.979.496	141.602.861.262
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.035.476.791.346	1.889.064.779.925
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.400.798.894.435	1.256.098.495.681
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		634.677.896.911	632.966.284.244
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	14.736.850.853	12.300.020.747
22	7. Chi phí tài chính	26	37.653.156.001	25.694.843.784
23	Trong đó: chi phí lãi vay		19.089.991.819	12.458.719.560
25	8. Chi phí bán hàng	27	182.485.542.605	177.881.584.650
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	172.754.587.443	179.233.562.301
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		256.521.461.715	262.456.314.256
31	11. Thu nhập khác	28	13.048.543.014	12.501.343.422
32	12. Chi phí khác	28	2.816.911.382	8.993.965.740
40	13. Lợi nhuận thuần khác		10.231.631.632	3.507.377.682
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		266.753.093.347	265.963.691.938
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	37.676.157.460	38.569.072.087
52	16. (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	(1.051.574.335)	508.679.015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		230.128.510.222	226.885.940.836
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		223.527.738.594	220.647.286.220
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	6.600.771.628	6.238.654.616
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	12.657	10.899
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	12.657	10.899

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		266.753.093.347	265.963.691.938
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		74.046.710.337	74.134.870.805
03	(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(7.464.442.565)	(4.132.424.926)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.648.771.670)	(376.048.849)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.201.971.389)	(9.522.694.049)
06	Chi phí lãi vay	26	19.089.991.819	12.458.719.560
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		327.574.609.879	338.526.114.479
09	Giảm các khoản phải thu		13.637.438.716	7.287.134.878
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		33.251.827.822	(40.313.169.909)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(11.945.270.782)	9.626.718.037
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(5.492.779.513)	1.731.401.769
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.346.809.162)	(12.411.654.406)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(18.281.349.150)	(41.524.518.992)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(70.322.889.085)	(52.145.432.560)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		251.074.778.725	210.776.593.296
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(56.304.017.241)	(38.046.743.265)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		12.007.689.553	2.542.225.182
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(162.000.000.000)	(5.200.000.000)
24	Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		8.800.000.000	3.300.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.718.872.039	9.411.680.971
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(186.777.455.649)	(27.992.837.112)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		838.911.474.898	549.469.199.918
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(744.088.474.118)	(529.137.981.076)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		(90.061.523.625)	(107.350.393.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		4.761.477.155	(87.019.174.158)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		69.058.800.231	95.764.582.026
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		407.897.570.630	311.756.939.756
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.536.843.882	376.048.848
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	478.493.214.743	407.897.570.630



Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 675 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 660 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích			Tỷ lệ biểu quyết			Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm			
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	Phường Phú Lâm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.	
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.	
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	96,41%	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.	
4	Công ty Cổ phần Cơ Khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	80,73%	83,74%	83,74%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, làm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.	
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00%	94,00%	94,00%	94,00%	94,00%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.	
6	Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (**)	98,92%	98,92%	100,00%	100,00%	100,00%	Xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất kinh doanh hạt giống và nông sản.	
7	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam (***)	98,92%	-	100,00%	-	100,00%	Xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh hạt giống và nông sản	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

- (*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.
- (**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.
- (***) Đây là một công ty con được thành lập trong năm theo giấy Chứng nhận Đăng kí Doanh nghiệp ngày 18 tháng 1 năm 2023 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 3 năm 2023. Với vốn điều lệ đăng kí của công ty này là 14,8 tỷ VND và được góp bởi một công ty con khác của Công ty là Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và các công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty và các công ty con không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10 năm
------------------------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Bản quyền	2 - 20 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm
Tài sản cố định khác	5 - 25 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam

Chi phí giải phóng mặt bằng tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064 (Công ty được miễn tiền thuê đất 12 năm 5 tháng, từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 5 năm 2032). Chi phí xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu Công nghiệp này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nêu trên.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên tại Công ty và các công ty con từ đủ 12 tháng trở lên. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.23 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và các công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	4.037.478.540	6.760.350.664
Tiền gửi ngân hàng	355.155.736.203	315.137.219.966
Các khoản tương đương tiền (*)	119.300.000.000	86.000.000.000
TỔNG CỘNG	478.493.214.743	407.897.570.630

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng, có kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 1,8% đến 5,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất từ 4% đến 6%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND, có thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất từ 4,45% đến 4,57%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,7% đến 4,9%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ		
Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	35.158.991.532	23.788.612.780
Phải thu từ khách hàng khác	186.576.498.828	201.107.604.928
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	-	70.400.000
TỔNG CỘNG	221.735.490.360	224.966.617.708
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(1.776.514.666)</i>	<i>(1.805.335.994)</i>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán	3.301.814.100	7.584.668.040
<i>Công ty TNHH Cơ khí Công Nông nghiệp</i>		
<i>Thực phẩm Bùi Văn Ngộ</i>	-	5.966.617.500
<i>Trả trước cho các nhà thầu khác</i>	3.301.814.100	1.618.050.540
Trả trước cho nhà cung cấp khác	34.018.686.115	40.832.877.359
<i>Công ty Cà phê 721</i>	3.930.000.000	3.554.020.000
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	30.088.686.115	37.278.857.359
TỔNG CỘNG	37.320.500.215	48.417.545.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	8.473.340.725	5.919.256.607
Phải thu phí vận chuyển, bảo quản giống từ Cục Trồng Trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	4.412.687.819	3.018.307.788
Phải thu khác	6.321.979.331	4.262.946.147
Phải thu khác từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	2.035.616.438	-
TỔNG CỘNG	<u>21.243.624.313</u>	<u>13.200.510.542</u>
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi</i>	-	-

8. NỢ XẤU

<i>Đối tượng nợ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đông Cửu	836.220.000	-	836.220.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông nghiệp Tài Lộc	736.969.000	-	736.969.000	-
Khách hàng khác	203.325.666	-	232.146.994	-
TỔNG CỘNG	<u>1.776.514.666</u>	<u>-</u>	<u>1.805.335.994</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	365.439.808.792	(5.700.987.873)	397.758.581.885	(11.393.521.336)
Nguyên vật liệu	70.870.465.280	(1.830.510.395)	73.903.420.771	(1.532.194.534)
Hàng hóa	1.515.272.302	(309.904.422)	144.300.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.104.966.010	-	5.650.711.133	-
Công cụ, dụng cụ	2.064.535.447	-	1.789.861.864	-
TỔNG CỘNG	<u>445.995.047.831</u>	<u>(7.841.402.690)</u>	<u>479.246.875.653</u>	<u>(12.925.715.870)</u>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	12.925.715.870	16.516.654.209
Dự phòng trích lập trong năm (*)	7.531.498.268	12.925.715.870
Sử dụng/hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(12.615.811.448)</u>	<u>(16.516.654.209)</u>
Số cuối năm	<u>7.841.402.690</u>	<u>12.925.715.870</u>

(*) Trong năm, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống bị tồn kho quá vụ, không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí bao bì, tem nhãn	3.540.747.318	489.073.356
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	493.128.399	388.965.876
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.164.826.302	209.642.757
Khác	625.856.837	788.557.829
TỔNG CỘNG	<u>5.824.558.856</u>	<u>1.876.239.818</u>
<i>Dài hạn</i>		
Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng	11.200.336.362	11.362.358.622
Chi phí hợp tác đầu tư (*)	6.048.357.072	6.404.142.792
Tiền thuê đất	3.915.640.050	4.397.161.162
Chi phí sửa chữa, cải tạo	4.915.827.213	3.193.971.732
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.250.587.822	4.098.636.268
Khác	669.982.532	-
TỔNG CỘNG	<u>31.000.731.051</u>	<u>29.456.270.576</u>

(*) Đây là các khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/MINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/SOLAR-DT-VINARICE ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam và Công ty Cổ phần VINASOLAR và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Căn cứ theo các hợp đồng này, Công ty và Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam đã góp vốn vào các dự án Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với thời gian thực hiện dự án là 20 năm và sẽ được phân chia 25% lợi nhuận từ các dự án này. Chi phí đầu tư sẽ được phân bổ trong khoảng thời gian thực hiện các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	518.150.818.430	284.069.843.341	54.437.409.788	8.781.714.920	1.136.765.379	866.576.551.858
Mua trong năm	12.967.697.784	35.458.523.508	886.200.000	214.169.356	-	49.526.590.648
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.483.666.704 (3.249.444.285)	4.450.165.432 (3.988.345.170)	- (237.500.000)	- (47.162.000)	-	14.933.832.136 (7.522.451.455)
Số cuối năm	538.352.738.633	319.990.187.111	55.086.109.788	8.948.722.276	1.136.765.379	923.514.523.187
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	61.347.719.397	65.046.006.286	21.715.776.278	5.257.444.909	1.136.765.379	154.503.712.249
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	178.590.556.680	139.606.819.570	32.947.565.846	5.709.435.310	1.136.765.379	357.991.142.785
Khấu hao trong năm	23.061.138.721 (2.731.459.739)	21.749.384.315 (3.612.380.354)	3.627.482.392 (180.104.161)	479.565.164 (47.162.000)	-	48.917.570.592 (6.571.106.254)
Số cuối năm	198.920.235.662	157.743.823.531	36.394.944.077	6.141.838.474	1.136.765.379	400.337.607.123
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	339.560.261.750	144.463.023.771	21.489.843.942	3.072.279.610	-	508.585.409.073
Số cuối năm	339.432.502.971	162.246.363.580	18.691.165.711	2.806.883.802	-	523.176.916.064

Nhà cửa và vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty với giá trị còn lại vào khoảng 241 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31 tháng 12 năm 2022: 293 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long như được trình bày tại Thuyết minh số 21.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Bao gồm trong giá trị Quyền sử dụng đất là giá trị khu đất tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (“Khu đất Lê Văn Sỹ”). Đây là khu đất của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (“SSC”), một công ty con của Công ty, và đã được công ty này sử dụng một phần để góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (“Cantavil”) theo Hợp đồng Liên doanh ngày 3 tháng 9 năm 2014 và các phụ lục Hợp đồng Liên doanh sau đó được ký với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon – Thủ Đức (“Daewon - Thủ Đức”). Giá trị còn lại của khu đất sẽ được Cantavil chi trả bằng tiền cho SSC. Bên cạnh đó, SSC cũng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Cantavil cho Daewon - Thủ Đức và tiến độ của việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện được nêu tại hợp đồng chuyển nhượng cũng như một số điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ chưa được hoàn thành cũng như các điều kiện, bao gồm các điều kiện tiên quyết của Hợp đồng Liên doanh đã hết thời hạn thực hiện, SSC chưa bàn giao Khu đất Lê Văn Sỹ cho Cantavil cũng như chưa ghi nhận các lợi ích và chi phí liên quan từ việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	4.775.315.567
Tăng trong năm	<u>8.575.301.552</u>
Số cuối năm	<u>13.350.617.119</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.985.661.793
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	2.338.145.181
Khấu hao trong năm	<u>428.450.822</u>
Số cuối năm	<u>2.766.596.003</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>2.437.170.386</u>
Số cuối năm	<u>10.584.021.116</u>

(*) Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm nhà kho và cửa hàng được sử dụng để cho bên các bên thứ ba thuê sử dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và các công ty con chưa thu thập được đầy đủ các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí cải tạo và sửa chữa nhà máy	3.292.663.830	4.906.825.080
Chi phí phát triển phần mềm	2.219.375.124	4.815.715.124
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
Công trình khác	1.201.812.591	1.712.014.365
TỔNG CỘNG	7.733.246.245	12.453.949.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị ghi sổ (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)					
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (i)	26.061.735.380	194.126	-	26.061.735.380	26.061.735.380	-	194.126	-	26.061.735.380
TỔNG CỘNG	26.061.735.380		-	26.061.735.380	26.061.735.380	-		-	26.061.735.380

(i) Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty sở hữu 19,49% cổ phần trong công ty này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Đơn vị tính: VND		
	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này
Nguyên giá:			
Số đầu năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
Số cuối năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
Phân bổ lũy kế:			
Số đầu năm	26.557.087.281	1.669.498.593	180.093.444.543
Phân bổ trong năm	-	191.100.605	23.237.863.812
Số cuối năm	26.557.087.281	1.860.599.198	203.331.308.355
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	241.507.452	52.285.193.577
Số cuối năm	-	50.406.847	29.047.329.765
			Tổng cộng
			260.846.731.446
			260.846.731.446
			208.320.030.417
			23.428.964.417
			231.748.994.834
			52.526.701.029
			29.097.736.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu xây dựng	6.872.063.151	6.872.063.151	1.592.212.528	1.592.212.528
Phải trả cho người bán	121.847.553.848	121.847.553.848	125.437.907.337	125.437.907.337
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	56.193.090.514	56.193.090.514	53.143.220.809	53.143.220.809
- Phải trả đối tượng khác	65.654.463.334	65.654.463.334	72.294.686.528	72.294.686.528
TỔNG CỘNG	128.719.616.999	128.719.616.999	127.030.119.865	127.030.119.865

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước khác	15.093.199.607	16.168.487.461
TỔNG CỘNG	15.093.199.607	16.168.487.461

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)(*)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	539.061.357	3.280.727.284	(5.975.303.956)	(2.155.515.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.684.400.947	37.990.615.665	(18.281.349.150)	22.393.667.462
Thuế thu nhập cá nhân	(578.536.077)	14.687.692.157	(16.488.072.464)	(2.378.916.384)
Thuế khác	(3.657.670.812)	8.558.891.314	(4.161.262.807)	739.957.695
TỔNG CỘNG	(1.012.744.585)	64.517.926.420	(44.905.988.377)	18.599.193.458
Trong đó:				
Các khoản trả trước	(7.813.725.297)			(5.021.337.395)
Các khoản phải nộp	6.800.980.712			23.620.530.853

(*) Công ty đã trình bày lại dữ liệu đầu kỳ cho phù hợp với cách trình bày của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thuê đất	10.651.651.441	6.901.584.745
Chi phí mua bản quyền	1.100.920.600	843.672.720
Chi phí khuyến mãi, hoa hồng, chiết khấu thanh toán	545.193.196	619.961.053
Chi phí phải trả khác	7.847.167.824	4.441.040.775
TỔNG CỘNG	<u>20.144.933.061</u>	<u>12.806.259.293</u>

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	36.129.916.685	53.599.927.310
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (ii)	60.000.000.000	60.000.000.000
Phải trả về Hợp đồng liên doanh (i)	30.473.500.000	30.473.500.000
Quý lương chưa thanh toán đã nộp thuế TNDN	14.325.375.852	14.325.375.852
Phải trả về Hợp đồng chuyển nhượng (i)	9.526.500.000	9.526.500.000
Hỗ trợ công tác xã hội	3.040.000.000	3.040.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Chiết khấu thương mại	24.672.133.288	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.715.976.867	5.535.552.165
TỔNG CỘNG	<u>194.183.399.442</u>	<u>178.800.852.077</u>

Trong đó:

- Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 31)	28.157.414.000	42.236.121.000
- Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	166.025.985.442	136.564.731.077

(i) Đây là các khoản được Cantavil và Daewon - Thủ Đức trả trước cho SSC theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, các hợp đồng này chưa hoàn thành và các bên liên quan đang trong quá trình đàm phán để thực hiện thanh, quyết toán các khoản trả trước này cũng như các hợp đồng đã được ký kết (Thuyết minh số 12).

(ii) Bao gồm giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ và giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của SSC (mặc dù SSC chưa yêu cầu và cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận được số tiền này). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành (Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số đầu năm				Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Giá trị	
	Giá trị		Giá trị						
Vay ngắn hạn									
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	220.998.579.442		220.998.579.442	857.911.474.898	(763.088.474.118)	315.821.580.222	315.821.580.222		
TỔNG CỘNG	220.998.579.442		220.998.579.442	857.911.474.898	(763.088.474.118)	315.821.580.222	315.821.580.222		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, với lãi suất từ 4,2% đến 7,2%, được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	280.297.056.628	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 đến 8 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày tháng 6 năm 2024. Lãi trả hàng tháng.	5.996.940 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được sở hữu bởi Công ty. Tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 17, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp với diện tích 50.003,7m ² .
Ngân hàng TNHH Một Thành viên Shinhan Việt Nam	35.524.523.594	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào tháng 5 năm 2024. Lãi trả hàng tháng.	Tín chấp
TỔNG CỘNG	315.821.580.222		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Năm trước							
Số đầu năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	466.830.996.208	247.793.187.690	82.942.922.485	1.304.632.514.233
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	220.647.286.220	6.238.654.616	226.885.940.836
Trích lập quỹ	-	-	-	22.399.992.713	(22.399.992.713)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(25.421.145.343)	(494.925.311)	(25.916.070.654)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(123.021.612.000)	(1.929.769.000)	(124.951.381.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021	-	-	-	-	(2.308.324.600)	(243.072.591)	(2.551.397.191)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022	-	-	-	-	(592.500.000)	-	(592.500.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(26.211.521.938)	-	-	(26.211.521.938)
Giảm khác	-	-	-	-	(37.233.787)	-	(37.233.787)
Số cuối năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	463.019.466.983	294.659.665.467	86.513.810.199	1.351.258.350.499

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	463.019.466.983	294.659.665.467	86.513.810.199	1.351.258.350.499	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	223.527.738.594	6.600.771.628	230.128.510.222	
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	77.436.168.225	(77.436.168.225)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(26.906.720.324)	(685.726.013)	(27.592.446.337)	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(70.298.064.000)	(2.293.449.000)	(72.591.513.000)	
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 (*)	-	-	-	-	(2.191.999.995)	(372.454.592)	(2.564.454.587)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 (**)	-	-	-	-	(1.093.611.000)	-	(1.093.611.000)	
Sử dụng các quỹ (***)	-	-	-	(31.026.790.369)	-	-	(31.026.790.369)	
Giảm khác	-	-	-	-	(382.879.386)	-	(382.879.386)	
Số cuối năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	509.428.844.839	339.877.961.131	89.762.952.222	1.446.135.166.042	

(*) Việc trích lập các quỹ, chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 được thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và các công ty con.

(**) Công ty và công ty con đã thực hiện trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 căn cứ theo phương án chi trả thù lao năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông duyệt theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ2023 ngày 20 tháng 4 năm 2023.

(***) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp	175.869.880.000	175.869.880.000	-	175.869.880.000	175.869.880.000	-
- Công ty Cổ phần PAN FARM	140.787.070.000	140.787.070.000	-	140.787.070.000	140.787.070.000	-
- Các cổ đông khác	35.082.810.000	35.082.810.000	-	35.082.810.000	35.082.810.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	507.115.407.850	507.115.407.850	-	507.115.407.850	507.115.407.850	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	175.869.880.000	175.869.880.000
Số cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	70.298.064.000	123.021.612.000
Cổ tức cho năm 2022: 4.000 đồng/cổ phiếu	70.298.064.000	-
Cổ tức cho năm 2021: 7.000 đồng/cổ phiếu	-	123.021.612.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	87.872.580.000	105.447.096.000
Cổ tức cho năm 2022 đợt 1 (2.000 đồng/cổ phiếu)	35.149.032.000	-
Cổ tức cho năm 2021 đợt 2 (3.000 đồng/cổ phiếu)	52.723.548.000	-
Cổ tức cho năm 2021 đợt 1 (4.000 đồng/cổ phiếu)	-	70.298.064.000
Cổ tức cho năm 2020 đợt 2 (2.000 đồng/cổ phiếu)	-	35.149.032.000

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.586.988	17.586.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.586.988	17.586.988
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	12.472	12.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	17.574.516
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2022: 10.000 đồng/cổ phiếu)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	131.534.642.000	135.792.642.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.338.706	714.920.920
- Euro (EUR)	61.596	154.128
- Nhân dân tệ (CNY)	80.316	80.316
Nợ khó đòi đã xử lý	10.716.972.907	10.890.441.752

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	2.206.476.770.842	2.030.667.641.187
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	2.192.796.757.887	2.013.499.279.537
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	13.680.012.955	17.168.361.650
Các khoản giảm trừ doanh thu	170.999.979.496	141.602.861.262
<i>Chiết khấu thương mại</i>	50.663.850.931	45.096.578.924
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	119.390.790.165	93.861.050.157
<i>Giảm giá hàng bán</i>	945.338.400	2.645.232.181
Doanh thu thuần	2.035.476.791.346	1.889.064.779.925
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	2.021.796.778.391	1.871.896.418.275
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	13.680.012.955	17.168.361.650
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba</i>	2.035.476.791.346	1.888.949.746.925
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i>	-	115.033.000

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	9.806.760.428	6.806.315.085
Cổ tức được chia	1.941.260.000	1.941.260.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.701.763.717	3.337.648.132
Doanh thu tài chính khác	287.066.708	214.797.530
TỔNG CỘNG	14.736.850.853	12.300.020.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.405.883.207.615	1.259.689.434.020
Hoàn nhập/Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	<u>(5.084.313.180)</u>	<u>(3.590.938.339)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.400.798.894.435</u>	<u>1.256.098.495.681</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	19.089.991.819	12.458.719.560
Chiết khấu thanh toán	17.866.458.999	10.884.124.882
Chi phí khác	<u>696.705.183</u>	<u>2.351.999.342</u>
TỔNG CỘNG	<u>37.653.156.001</u>	<u>25.694.843.784</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
- Chi phí tiền lương	39.507.533.865	42.056.648.681
- Chi phí vận chuyển	36.852.783.291	35.572.749.483
- Chi phí khấu hao	11.650.655.924	7.146.809.743
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.926.084.525	64.313.359.971
- Chi phí bán hàng khác	<u>24.548.485.000</u>	<u>28.792.016.772</u>
TỔNG CỘNG	<u>182.485.542.605</u>	<u>177.881.584.650</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí tiền lương	79.041.798.613	88.883.331.488
- Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	23.428.964.417	23.428.964.417
- Chi phí khấu hao	13.875.419.005	12.880.711.939
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.070.357.424	27.152.334.331
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	<u>34.338.047.984</u>	<u>26.888.220.126</u>
TỔNG CỘNG	<u>172.754.587.443</u>	<u>179.233.562.301</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	13.048.543.014	12.501.343.422
Thu nhập từ tiền bồi thường	72.863.800	5.760.157.856
Thu nhập từ thanh lý tài sản	11.453.950.961	-
Thu nhập từ cung cấp dịch vụ tư vấn	-	3.750.000.000
Thu nhập khác	1.521.728.253	2.991.185.566
Chi phí khác	2.816.911.382	8.993.965.740
Chi phí khác phục sự cố	-	6.241.976.038
Chi phí khác	2.816.911.382	2.751.989.702
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	10.231.631.632	3.507.377.682

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)(*)</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	1.294.811.764.661	1.238.243.311.446
Chi phí nhân công	143.590.588.850	153.095.085.440
Chi phí khấu hao và hao mòn	74.046.710.337	71.932.068.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.732.884.485	132.322.479.491
Chi phí khác	64.992.557.933	56.205.181.591
TỔNG CỘNG	1.724.174.506.266	1.651.798.126.955

(*) Công ty đã trình bày lại dữ liệu so sánh năm trước cho phù hợp với cách trình bày của năm nay.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Căn cứ vào Giấy Chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN đến ngày Thông tư 03/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con

Thuế suất thuế TNDN của Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty, là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên đi vào hoạt động chính thức (năm 2019) và theo thuế suất phổ thông trong các năm sau đó. Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2020) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2024) theo Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư số 740732160, thay đổi lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Thuế suất thuế TNDN của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam là 17%. Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong bốn (4) năm tiếp theo.

Thuế suất thuế TNDN của Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên đi vào hoạt động chính thức (năm 2023) và theo thuế suất phổ thông trong các năm sau đó. Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2023) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2027).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.676.157.460	31.171.443.275
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	7.397.628.812
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.051.574.335)</u>	<u>508.679.015</u>
TỔNG CỘNG	<u>36.624.583.125</u>	<u>39.077.751.102</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>266.753.093.347</u>	<u>265.963.691.938</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	53.350.618.669	53.192.738.388
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.027.410.603	7.397.628.812
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất kinh doanh	4.712.978.063	4.603.772.043
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	490.459.508	518.498.977
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(388.252.000)	(388.252.000)
Thuế TNDN được miễn giảm	<u>(22.568.631.718)</u>	<u>(26.246.635.118)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>36.624.583.125</u>	<u>39.077.751.102</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí phải trả	6.067.988.060	4.926.555.717	1.141.432.342	(862.864.754)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	336.708.155	606.210.941	(269.502.786)	187.692.723
Lợi nhuận chưa thực hiện	517.135.974	362.397.167	154.738.807	(221.180.949)
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
	6.942.494.762	5.915.826.398	1.026.668.363	(896.352.980)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	31.372.738.452	31.397.644.424	24.905.972	387.673.965
	31.372.738.452	31.397.644.424	24.905.972	387.673.965
(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			1.051.574.335	(508.679.015)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty và công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
2	Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ</i>
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Cho vay Lãi vay phải thu	100.000.000.000 2.035.616.438	- -
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức bằng tiền Cổ tức công bố	70.393.535.000 56.314.828.000	84.472.242.000 98.550.949.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty và các công ty con cho các bên liên quan vay, bán hàng cũng như mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2022: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng, vật tư	-	70.400.000
			-	70.400.000
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	28.157.414.000	42.236.121.000
			28.157.414.000	42.236.121.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Phải thu lãi vay	2.035.616.438	-
			2.035.616.438	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (*)	Công ty mẹ tối cao	Phải thu về cho vay	100.000.000.000	-
			100.000.000.000	-

(*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo có thời hạn 6 tháng, đáo hạn vào tháng 5 năm 2024 lãi suất 7%. Lãi thanh toán vào cuối thời hạn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và lương Ban Tổng Giám đốc trong năm:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.423.611.111	910.840.000
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	250.000.000	182.168.000
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	250.000.000	182.168.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	250.000.000	182.168.000
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT	250.000.000	182.168.000
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	250.000.000	77.857.000
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)	173.611.111	104.311.000
BAN KIỂM SOÁT		300.000.000	249.999.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban	100.000.000	83.333.000
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên	100.000.000	83.333.000
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên	100.000.000	83.333.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		10.182.096.000	11.503.692.439
Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc	3.687.500.000	3.031.669.000
Các thành viên khác		6.494.596.000	8.472.023.439
TỔNG CỘNG		11.905.707.111	12.664.531.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	223.527.738.594	220.647.286.220
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT (*)	(1.093.611.000)	(29.098.720.319)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	222.434.127.594	191.548.565.901
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.574.516	17.574.516
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	17.574.516	17.574.516
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.657	10.899
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.657	10.899

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022. Số điều chỉnh giảm tương ứng với các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát được trích lập từ lợi nhuận của công ty mẹ cho năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHCĐ2023 ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 cũng được điều chỉnh giảm chi phí thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát được tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm nay của công ty mẹ. Công ty chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	5.703.721.053	5.703.721.053
Trên 1 - 5 năm	8.984.709.417	8.984.709.417
Trên 5 năm	83.650.894.019	89.354.615.072
TỔNG CỘNG	98.339.324.489	104.043.045.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Tiền thuê đất

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (“SSC”), một công ty con của Công ty, đã mua tài sản từ Công ty Liên doanh Hạt giống Đông Tây (“EW”) bao gồm cả quyền thuê 259.717 m² đất tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi và chưa nhận được thông báo chính thức của các cơ quan quản lý Nhà nước về đơn giá thuê đất phải nộp tính từ thời điểm chuyển giao quyền sử dụng đất từ EW cho SSC đến thời điểm hiện tại. Theo đó, SSC đang tạm trích tiền thuê đất cho thời gian thuê đến năm 2023 dựa trên đơn giá thuê trong hợp đồng thuê đất giữa EW và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 5.649.003.219 VND. Sau khi nhận được thông báo về đơn giá chính thức hoặc thông báo điều chỉnh tiền thuê đất từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, SSC sẽ thực hiện điều chỉnh và nộp bổ sung (nếu có) số tiền chênh lệch này.

Theo hợp đồng thuê đất ký giữa SSC và Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 27 tháng 5 năm 2005, SSC đã thuê khu đất có diện tích là 776.947,3 m² tại tỉnh Bình Dương với thời hạn thuê là 20 năm đến ngày 25 tháng 3 năm 2022. Trong năm 2020, Công ty đã tiến hành hành thủ tục gia hạn thời gian thuê đất đến ngày 25 tháng 3 năm 2052 và đã được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận gia hạn theo Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, SSC đã tạm ghi nhận khoản tiền thuê đất tính theo đơn giá được thông báo số 11988/TB-CTBDU ngày 15 tháng 7 năm 2022 Cục thuế tỉnh Bình Dương ban hành cho năm 2022 và 2023 với tổng số tiền là 8.170.376.188 VND. SSC đang tiếp tục trao đổi và xin ý kiến các cơ quan quản lý địa phương về việc xác định chính xác số tiền thuê đất phải nộp bởi SSC đối với lô đất thuê nêu trên. Trong trường hợp có sự điều chỉnh hoặc thông báo chính thức từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về đơn giá thuê đất hiện hành, SSC sẽ thực hiện điều chỉnh và nộp bổ sung cho phần chênh lệch này (nếu có).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 19 tháng 1 năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt hai năm 2022 cho các cổ đông với tỷ lệ thực hiện là 20% mệnh giá (2.000 VND/cổ phiếu).

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024